

Bản án số: 93/2023/DS-PT
Ngày: 17/7/2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải.

Ông Phan Minh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 260/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1962; địa chỉ: 37 Ấ, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 2, Khu vực 5, phường Tr, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Ông Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 5, Khu vực 5, phường Nh, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Ngh, sinh năm 1961; địa chỉ: 37 Ấ, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H: Ông Nguyễn Ngọc Quốc L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Bà Đào Thị Xuân L, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 9, Khu vực 5, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 9, Khu vực 5, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Minh Kh, sinh năm 1986.

2. Chị Nguyễn Th, sinh năm 1990.

Đồng địa chỉ: Tổ 9, Khu vực 5, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1985.

4. Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1996

Đại diện ủy quyền của chị H, chị B: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1990.

5. Anh Mang Phan Thanh K, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 9, Khu vực 5, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ngh.

- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Qu kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/9/2022.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh văn Ngh trình bày:

Thửa đất 305, tờ bản đồ 17 diện tích 4.109,1m² (200m² đất ở, 3909,1m² đất vườn thửa), thuộc tổ 9, Khu vực 5, P. B, thành phố Q, có nguồn gốc là của cha mẹ cụ Nguyễn Minh Q và cụ Phan Thị Xuân M để lại. Cụ Q và cụ M có 5 người con là: Ông Nguyễn Minh S (chết), bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Minh Nh, ông Nguyễn Minh Qu (chết lúc nhỏ, không có vợ con). Cụ Q, cụ M không có con riêng, con nuôi. Cụ Q (chết 1975) không để lại di chúc, cụ M ở với con ông Nguyễn Minh Nh và vợ chồng ông Nguyễn Minh S, bà Đào Thị Xuân L cùng với 4 người con của ông S bà L là: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Minh Kh, chị Nguyễn Thị Ph và chị Nguyễn Thị Ngọc B tại nhà đất nêu trên, cụ M (chết năm 2003) không để lại di chúc.

Năm 1997, thửa đất nói trên được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0059/QSDĐ/số 769/QĐ-UB ngày 25/8/1997 đứng tên bà Phan Thị Xuân M, bên cạnh đó còn cấp thêm thửa đất 220, tờ bản đồ 19, diện tích 728,2m² (ruộng 1 lúa) và thửa đất 108, tờ bản đồ 18, diện tích 1.128,2m² (ruộng 2 lúa). Năm 2006 ông S chết không để lại di chúc, vợ ông S là bà Đào Thị Xuân L quản lý sử dụng nhà đất, canh tác diện tích đất thuộc quyền sở hữu của bà M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0059/QSDĐ. Năm 2010 bà L chuyển nhượng 200m² đất trong thửa 305, tờ bản đồ 17 cho vợ chồng ông Đào Văn Ngh và bà Nguyễn Thị Thu H, năm 2014 ông Ngh bà H chuyển nhượng lại 100m² đất cho anh K, hiện nay anh K đã xây nhà ở (chuyển nhượng bằng giấy viết tay).

Nay các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị Xuân M để lại là: Thửa đất 305, tờ bản đồ 17 cùng hai thửa đất lúa là thửa 108, tờ bản đồ 18 và

thửa số 220, tờ bản đồ 19. Các nguyên đơn yêu cầu chia hiện vật cho bốn người con của cụ M, cụ thể như sau:

Thửa 305, tờ bản đồ 17: Phần bà H, bà Th và ông Nh xin nhận chung diện tích là $3.081,825\text{m}^2$ (trong đó vườn thửa là $2.931,825\text{m}^2$, thổ cư là 150m^2) (các nguyên đơn tự phân chia sau khi án có hiệu lực). Phần ông Nguyễn Minh S (bà L và các con của ông S bà L được nhận) là $1.027,275\text{m}^2$ (trong đó vườn thửa là $977,275\text{m}^2$, thổ cư là 50m^2).

Bà H, bà Th và ông Nh nhận thửa đất 220, tờ bản đồ 19, diện tích $728,2\text{m}^2$. Ông Nguyễn Minh S nhận (bà L và các con của ông S bà L được nhận) thửa đất 108, tờ bản đồ 18, diện tích $1.128,2\text{m}^2$.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Về quan hệ huyết thống, thời gian cụ Q cụ Mai chết và hàng thừa kế của cụ M bị đơn thống nhất như nguyên đơn trình bày. Cụ Q, cụ M không để lại di chúc.

Về di sản thừa kế của cụ M bị đơn không thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn, vì: Thửa 305, tờ bản đồ 17 diện tích $4.109,1\text{m}^2$ (200m^2 đất ở, $3909,1\text{m}^2$ đất vườn) cùng với thửa đất số 220, tờ bản đồ 19, diện tích $728,2\text{m}^2$ (ruộng 1 lúa) và thửa đất số 108, tờ bản đồ 18, diện tích $1.128,2\text{m}^2$ (ruộng 2 lúa) thuộc tổ 9, Khu vực 5, P. B, thành phố Q, là cấp cho hộ bà Phan Thị Xuân M theo nghị định 64/CP của Chính phủ chứ không phải cấp cho một mình cụ Phan Thị Xuân M. Tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất hộ cụ M có 07 người được cấp đất là cụ M, bà Đào Thị Xuân L, ông Nguyễn Minh S, ông Nguyễn Minh Nh và 03 người con bà L ông S là: Anh Nguyễn Minh Kh, chị Nguyễn Thị Ph, chị Nguyễn Thị Ngọc H. Bởi vì, tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất bà Đào Thị Xuân L và ông Nguyễn Minh S, sống chung với mẹ là cụ Phan Thị Xuân M, em chồng Nguyễn Minh Nh cùng các con của bà L ông S là chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị Nguyễn Minh Kh, chị Nguyễn Thị Ph, chị Nguyễn Thị Ngọc B, cùng làm nông nghiệp tại tổ 9, KV 5, B. Năm 1997 UBND TP Q cấp quyền sử dụng $5.965,3\text{m}^2$ gồm có: Đất thổ cư, đất vườn, đất lúa theo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0059/QSĐĐ số 769/QĐ-UB ngày 25/8/1997, cụ Phan Thị Xuân M đại diện chủ hộ đứng tên. Các người con cụ Qu cụ M là bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Th đã có chồng, không còn ở địa phương, ông Nguyễn Minh Qu chết trước năm 1986 và con bà L ông S là chị Nguyễn Thị Ngọc B sinh sau năm 1993 nên không được cấp đất trong hộ cụ M. Sau khi cụ M chết, ông S là con lớn nên ở lại nhà cũ tiếp tục canh tác diện tích đất được cấp. Năm 2006 ông S chết, không để lại di chúc, bà L là người quản lý, sử dụng canh tác nhà đất nêu trên. Năm 2010, bà L chuyển nhượng 200m^2 đất thuộc thửa 305, tờ bản đồ 17 cho vợ chồng ông Đào Văn Ngh và bà Nguyễn Thị Thu H. Năm 2014, ông Ngh bà H chuyển nhượng lại 100m^2 cho anh Mang Phan Thanh K, anh K đã xây nhà ở.

Như vậy, di sản chưa chia của cụ Phan Thị Xuân M là $1/7$ diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00059/QSĐĐ số 769/QĐ-UB ngày 25/8/1997 là $852,185\text{m}^2$ ($5.965,3\text{m}^2/7$), phần của ông Nguyễn Minh Nh là $852,185\text{m}^2$ ($5.965,3\text{m}^2/7$). Vì vậy, bị đơn đồng ý chia phần di sản của

cụ M là 1/7 diện tích đất nói trên là 852,185m² (5.965,3m²/7) và phần của ông Nh cũng là 852,185 m² (5.965,3m²/7).

Về cách chia: Theo bản vẽ hiện trạng của Tòa án cấp sơ thẩm, thửa đất số 305, tờ bản đồ 17 chia làm 2 phần, bằng cách nối điểm M28 đến đoạn giữa M4 và M5, nếu dựng nhà bà Lộc thì tự nguyện tháo dỡ. Chia phần phía bắc thửa đất giao quyền sử dụng cho các nguyên đơn bà H, bà Th và ông Nh; phần phía nam thửa đất còn lại giao cho bà L. Về phần đất lúa chia theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Nguyễn Minh Kh trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị Ph là đại diện ủy quyền của bị đơn. Lý do chia thửa đất 305, tờ bản đồ 17 làm 2 phần, bằng cách nối điểm M28 đến đoạn giữa M4 và M5 là vì tại điểm M28 khi ông S còn sống có mua bụi tre, có ý định mở đường đi riêng. Về phần đất ruộng, yêu cầu chia theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Ph, đồng thời cũng là đại diện ủy quyền của chị Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ph là đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày, không bổ sung gì thêm.

Anh Mang Phan Thanh K trình bày: Tháng 4/2013 anh có mua của ông Huỳnh Văn Ngh và bà Nguyễn Thị Thu H 100m² đất tại thửa đất số 305, tờ bản đồ 17, hiện nay anh đã xây nhà ở ổn định, không có ai tranh chấp.

Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Minh Nh.

Giao cho các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Minh Nh quyền sử dụng diện tích 1.643,6m² thuộc thửa đất số 305, tờ bản đồ 17 và thửa đất số 220, tờ bản đồ 19, diện tích 728,2m².

Giao cho bà Đào Thị Xuân L được quyền sử dụng, phần phía Nam thửa đất 305, tờ bản đồ 17 diện tích 2.143,1m² và thửa đất 108, tờ bản đồ 18 diện tích 1128,2m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ngh có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, không thống nhất với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Yêu cầu xem xét lại 200m² đất bà L đã chuyển nhượng cho bà H để trừ kỷ phần thừa kế mà bà L được hưởng.

Ngày 27/9/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q có Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án số 260/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định hủy Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị với nội dung

như trên.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các bên đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mang Phan Thanh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q thấy rằng:

[2.1] Về phần tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Minh Nh khởi kiện bà Đào Thị Xuân L yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Phan Thị Xuân M để lại là thửa đất 305, tờ bản đồ 17 cùng hai thửa đất lúa là thửa 108, tờ bản đồ 18 và thửa 220, tờ bản đồ 19. Trong các thửa đất yêu cầu chia thừa kế, bà L đã chuyển nhượng 200m² đất trong thửa đất 305, tờ bản đồ 17 cho ông Huỳnh Văn Ngh và bà Nguyễn Thị Thu H sử dụng, sau đó ông Ngh, bà H chuyển nhượng 100m² trong số 200m² đất đã nhận chuyển nhượng cho anh Mang Phan Thanh K sử dụng và hiện nay anh K đã xây dựng nhà ở. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Huỳnh Văn Ngh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không giải quyết triệt để vụ án và vi phạm thủ tục tố tụng.

[2.2] Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng nên phần nội dung vụ án cũng như nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Huỳnh Văn Ngh Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ sót người tham gia tố tụng mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị của VKSND thành phố Q. Căn cứ vào Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định đã xét xử về “Tranh chấp chia thừa kế” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Minh Nh với bị đơn bà Đào Thị Xuân L và một số người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp với một phần nhận định của Tòa.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, hủy bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với một phần nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định đã xét xử về “Tranh chấp chia thừa kế” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Minh Nh với bị đơn bà Đào Thị Xuân L và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn không phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Minh Nh mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 004607, 00606, 00608 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TP.Q;
- Chi cục THADS TP. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm